

VÒ SÀNH VIỆT NAM THẾ KỈ X TẠI KHU DI TÍCH HOÀNG THÀNH THĂNG LONG

Đặng Thị Khương

Phòng Nghiên cứu Lịch sử - Văn hóa, Viện Nghiên cứu Kinh thành,

Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Tóm tắt. Đồ sành, thế kỉ X tìm thấy tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long thuộc tầng văn hóa thời kì Tiền Thăng Long. Đồ sành thời kì này có số lượng hiện vật lớn nhất trong cơ cấu hiện vật đồ sành thời Tiền Thăng Long. Đồ sành thời Đinh - Tiền Lê ở Hoàng thành Thăng Long có 3 nhóm chức năng, gồm: đồ đựng, đồ sinh hoạt và đồ đun nấu, trong đó, đồ đựng có số lượng lớn nhất. Vò sành ở đây thuộc nhóm chức năng đồ đựng, rất đa dạng về kiểu loại, phong phú về cấu trúc miệng và hoa văn trang trí. Những đặc trưng về kĩ thuật của vò sành, thế kỉ X tìm thấy tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long cũng là những đặc trưng kĩ thuật phổ biến cho đồ sành, thế kỉ X, mà các nhà nghiên cứu thường gọi chung là đồ sành thời Đinh - Tiền Lê. Chúng có mối quan hệ khăng khít giữa nơi sản xuất và thị trường tiêu thụ. Qua kết quả khai quật khảo cổ học đã chứng minh được: khu lò gốm Dương Xá (phường Vạn An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh) là nơi sản xuất những vò sành được tiêu thụ tại kinh đô Hoa Lư và thành Đại La, thế kỉ X.

Từ khóa: đồ sành, vò, cấu trúc miệng, Hoàng thành Thăng Long.

1. Mở đầu

Vào những năm 2002 – 2004, 2008, ở khu vực Hoàng thành Thăng Long đã diễn ra những cuộc khai quật khảo cổ quy mô lớn. Kết quả khai quật phát lộ rất nhiều dấu tích kiến trúc và hàng triệu hiện vật, gồm đồ gốm sứ, đồ sành, đồ kim loại, nhuyễn thể, vật liệu kiến trúc,... Trong các loại hình đó, đồ sành có số lượng vô cùng lớn.

Đồ sành khai quật được tại Hoàng Thành Thăng Long có niên đại trải dài, xuyên suốt từ thời kì Tiền Thăng Long đến thời Thăng Long (từ thế kỉ I đến thế kỉ XVIII). Trong đó, đồ sành thời Đinh - Tiền Lê có 661.029 hiện vật (chiếm 96% hiện vật đồ sành thời kì Tiền Thăng Long, 661.029/688.979 hiện vật), trong đó, loại hình vò sành có 43.976 hiện vật. Qua nghiên cứu so sánh thấy rằng, những đồ sành này rất giống với những hiện vật sành khai quật được ở cổ đô Hoa Lư - Ninh Bình và chúng được sản xuất ở Dương Xá - Vạn An - Bắc Ninh.

Cho đến nay khảo cổ học chưa có nghiên cứu chuyên sâu về đồ sành. Những phát hiện về đồ sành ở khu di tích Hoàng thành Thăng Long đưa tới những nhận thức mới mẻ về lĩnh vực này. Cùng với những phát hiện về kiến trúc, các loại hình hiện vật khác, nhóm hiện vật đồ sành thời Đinh - Tiền Lê góp phần chứng minh: Hoàng thành Thăng Long được xây dựng đúng vị trí của tòa thành Đại La cũ như *Chiếu dời đô* của Vua Lý Thái Tổ đã khẳng định, đồng thời phản ánh lịch sử văn hóa khu vực trung tâm nội thành Hà Nội thời Tiền Thăng Long, khoảng thế kỉ X – khi nhà nước Đại Cồ Việt đóng đô ở Hoa Lư - Ninh Bình thì khu vực thành Đại La vẫn là trung tâm lớn nhất của đất nước.

Ngày nhận bài: 1/7/2023. Ngày sửa bài: 20/7/2023. Ngày nhận đăng: 5/8/2023.

Tác giả liên hệ: Đặng Thị Khương. Địa chỉ e-mail: dangkhuonghn88@gmail.com

Đồ sành thế kỉ X là chủ đề, nội dung chính, được nhắc đến trong một số cuốn sách, bài tạp chí, chủ yếu đăng trên tạp chí Khảo cổ học và tạp chí Kinh thành cổ.

- Báo cáo khai quật khu lò gốm Đường Xá, thế kỉ X, do Viện Khảo cổ thực hiện năm 2000 cho thấy cơ cấu sản phẩm, cấu trúc lò nung, cách thức xếp nung của lò nung gốm Đường Xá, thế kỉ X [1].

- Báo cáo chỉnh lí *Đồ sành Tiền Thăng Long, khu ABCD, Khu di tích Hoàng thành Thăng Long* của Viện Nghiên cứu Kinh thành, năm 2020 – 2021 đã thống kê, mô tả, đưa ra những đặc trưng của đồ sành thời Tiền Thăng Long, gồm thời Hán, thời Tùy, thời Đường, thời Đinh – Tiền Lê khai quật được ở Khu di tích Hoàng thành Thăng Long, 18 Hoàng Diệu. Trên cơ sở phân tích đặc điểm hiện vật đã xác định được đặc trưng của đồ sành thời kì này, vai trò, vị trí trong đời sống đương thời [2].

- Tương tự như vậy, Báo cáo chỉnh lí *Đồ sành Tiền Thăng Long, khu E, Khu di tích Hoàng thành Thăng Long* năm 2020 – 2021 của Viện Nghiên cứu Kinh thành đã thực hiện được những mục tiêu như Báo cáo chỉnh lí “*Đồ sành Tiền Thăng Long, khu ABCD, Khu di tích Hoàng thành Thăng Long*” nhưng định vị không gian trong Khu vực xây dựng Nhà Quốc hội [3].

- Bài viết *Nhận thức mới về đồ sành tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long* đăng trên *Tạp chí Khảo cổ học*, số 03, 2010 của Bùi Minh Trí và Đỗ Đức Tuệ dựa trên những hiện vật sành khai quật được ở Khu di tích Hoàng thành Thăng Long, các tác giả đã đưa ra những đặc điểm lớn của đồ sành Việt Nam qua các thời kì [4]. Đây là những tư liệu rất quan trọng trong quá trình nghiên cứu, xác định đặc trưng của đồ sành.

- Bài viết *Đồ đun nấu, thời Đinh – Tiền Lê ở Khu di tích Hoàng thành Thăng Long* đăng trên *Tạp chí Kinh thành cổ Việt Nam*, năm 2020 của Đặng Thị Khương và Cao Thị Huyền đã nêu lên những đặc trưng của nhóm hiện vật đồ đun nấu và bước đầu nghiên cứu vai trò, chức năng của chúng trong lịch sử [5].

Nghiên cứu đặc trưng của vò sành Việt Nam, thế kỉ X phát hiện được ở khu di tích Hoàng thành Thăng Long, chúng tôi tập trung nghiên cứu ở các khía cạnh kĩ thuật: chất liệu, hình dáng, hoa văn trang trí, kĩ thuật tạo dáng và xếp nung.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nguồn gốc

Cơ sở xác định nguồn gốc vò sành, thời Đinh – Tiền Lê, thế kỉ X tìm thấy ở Hoàng thành Thăng Long, chúng tôi dựa trên kết quả nghiên cứu so sánh giữa sưu tập này với những sưu tập vò, cùng niên đại tìm thấy ở khu di tích Cô đô Hoa Lư (Ninh Bình) và sưu tập vò, cùng niên đại đang trưng bày tại Bảo tàng Bắc Ninh, Bảo tàng trưng tại khu lò gốm Đường Xá (phường Vạn An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh) [6].

Kết quả điều tra, khai quật khảo cổ học hiện nay cho biết về di chỉ sản xuất đồ sành thời Đinh - Tiền Lê là khu lò gốm Đường Xá, phường Vạn An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh [6], [7].

Trong một nghiên cứu của mình, TS. Phạm Quốc Quân đã nhận xét: “đến thế kỉ X, qua bộ sưu tập gốm tại lò Đường Xá, dường như ta thấy, từ phong cách, kĩ thuật, chất liệu đến hoa văn trang trí lại quay về với truyền thống, mà đã có ý kiến cho đó như một mạch ngầm xuyên suốt 10 thế kỉ thuộc Bắc, khi có điều kiện, phun trào, tạo nên sự phục hưng của văn hóa Việt. Đúng là có mạch ngầm, nhưng lí do nào để mạch ngầm ấy không bị vùi lấp trước những biến cố động trời của 1000 năm? Đó chính là cốt lõi vật chất Đông Sơn mà chúng ta đã thấy rục rờ đến nhường nào và nó được gìn giữ ở cộng đồng, theo tôi, chủ yếu trong tín ngưỡng dân gian, mà tín ngưỡng dân gian ấy vốn là hồn cốt của một tôn giáo, dù không có giáo lí, kinh kệ nhưng có sức sống và tác động khá mạnh tới lịch sử, văn hóa, nghệ thuật Việt, trong suốt dặm dài lịch sử, đó là Đạo giáo, mà ngay từ cuối thời Đông Sơn, O.Janse đã nhận ra. Lẽ đương nhiên, trong quá

trình đồng hành của các tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam, lịch sử đã minh chứng rằng, mỗi tôn giáo có lúc hưng, lúc suy, theo đó, chi phối tới văn hóa Việt Nam làm chúng ta đã nhận ra trong quá khứ cũng như hiện tại” [8]. Nghiên cứu so sánh đồ sành thời Đinh – Tiền Lê nói chung, sưu tập vò sành, thế kỉ X tìm thấy ở khu di tích Hoàng thành Thăng Long, chúng tôi thấy rằng: trải qua hơn ngàn năm Bắc thuộc và chống Bắc thuộc, bằng sức mạnh nội tại của mình, truyền thống Đông Sơn vẫn được nối dài và trở thành mạch ngầm, sức mạnh vô hình giúp cộng đồng làng xã, các tầng lớp nhân dân đoàn kết cùng chống lại kẻ thù để từng bước giành quyền độc lập, tự chủ, dựng nước và giữ nước.

Tại Nhà trưng bày khảo cổ học, trong khuôn viên của Đền Vua Đinh - Vua Lê, khu di tích cổ đô Hoa Lư (Ninh Bình) hiện đang trưng bày 01 vò sành đắp nổi hình cá. Hiện vật đó là độc bản. Đó có thể là đồ ngự dụng. Vò màu xám, hình cầu, thành miệng trong vè gấp (có thể vết gấp đó tạo gờ để đặt nắp), cổ ngắn, vai nở mạnh, thân cong tròn, đáy dầy, phần thân sát đáy tạo với đáy góc vuông. Xương gốm dầy vừa, đánh, sạn. Bề mặt ngoài khá nhẵn. Vai gắn 4 quai đối xứng, mặt bên phải đắp nổi phần đầu của chú cá, phía đối diện đắp nổi đuôi cá đang xòe vây. Đây là tiêu bản duy nhất - độc bản, chất lượng rất cao. Chất lượng của hiện vật chứng minh vai trò, chức năng của chúng. Với tạo hình độc đáo (đắp nổi hình cá), xương gốm đánh mịn hơn, bề mặt nhẵn nhụi, gần như không thấy dấu vết tu sửa, đắp nổi hay chuốt dáng thì có thể xếp, chiếc vò này được dùng để đựng rượu trong những dịp Lễ Tết quan trọng, hay những dịp vua mở tiệc khao quân. Trong một tủ trưng bày khác trưng bày 6 vò sành màu nâu xám, nâu đỏ, miệng vè gấp ở thành trong - đặc trưng cấu trúc miệng của đồ sành thời Đinh - Tiền Lê, vai gắn 6 quai và khắc vân sóng nước. Những vò sành này đồng dạng với những vò sành cùng niên đại khai quật được tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long và đồng dạng với vò sành tìm thấy tại khu lò gốm Đường Xá. Những bằng chứng khảo cổ học này góp phần chứng minh sức ảnh hưởng, sự phát triển, lan tỏa của nghề gốm sành Đường Xá thế kỉ X.

Trong không gian trưng bày tại tầng hầm 02 - thời kì Tiền Thăng Long tại Nhà Quốc hội (Ba Đình, Hà Nội) đang trưng bày và bảo quản một số vò sành, thời Đinh - Tiền Lê. So sánh chất lượng xương gốm, tạo hình và hoa văn thì thấy rằng: những vò sành này có chất lượng tương đương với những vò sành đồng đại đang trưng bày, bảo quản tại Bảo tàng Ninh Bình và trưng bày tại Nhà trưng bày khảo cổ học ở cổ đô Hoa Lư. Tuy nhiên, Đại La thế kỉ X là một đơn vị hành chính thuộc một đạo (đơn vị hành chính cấp 2 thời Đinh - Tiền Lê), còn Hoa Lư là kinh đô của Đại Cồ Việt nên xét về chất lượng, phẩm cấp, vò sành ở Hoa Lư có chất lượng vượt trội hơn hẳn. Điều đó hoàn toàn phù hợp với ưu thế, vị thế và vai trò của Hoa Lư trong lịch sử Đại Việt thế kỉ X.

2.2. Chất liệu

Quan sát và nghiên cứu xương gốm vò sành thời Đinh – Tiền Lê, ở khu lò gốm Đường Xá (hiện vật đang bảo quản tại Bảo tàng Bắc Ninh), ở Bảo tàng Ninh Bình, di tích cổ đô Hoa Lư (Ninh Bình) và sưu tập vò sành ở Hoàng thành Thăng Long, chúng tôi nhận thấy: thời kì này đã diễn ra một cuộc cách mạng trong việc lựa chọn nguồn nguyên liệu làm phối gốm. Nếu như các thời kì trước đó, trong cơ cấu nguyên liệu, tỉ lệ cát pha chiếm một lượng lớn thì đến thời Đinh – Tiền Lê, xương gốm thuần hơn, chủ yếu là đất sét đỏ, vàng, khá đánh chắc, cốt gốm mỏng, độ kết dính khá cao. Tuy vẫn còn cát nhưng lượng cát nhỏ hơn, độ mịn xương gốm cao hơn thời Đại La. Thời Đại La, xương gốm thường được kết cấu thành các thớ, các tầng, thì đến thời Đinh – Tiền Lê, xương gốm là một thể thống nhất, bề mặt của sản phẩm có bắt sáng do vẫn còn một lượng nhỏ cát trong xương. Xương gốm của vò sành thời Đinh - Tiền Lê nói riêng, đồ sành thời kì này nói chung đánh, mịn, mỏng hơn xương gốm thời Đại La. Sự khác biệt này có thể là do nguồn nguyên liệu khác nhau, đó là cơ sở để xác định nguồn gốc lò; hoặc đó là sự biến đổi của nguồn nguyên liệu, hoặc kĩ thuật chế tác qua quá trình lịch sử, hoặc đó cũng là sự thích ứng, biến đổi phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng. Trong

quá trình nung, vận chuyển, bảo quản, sử dụng, những sản phẩm có xương gốm mỏng, đánh dễ bị biến dạng, vỡ nên dần dần, họ chuyển đổi sang sản xuất và dùng những sản phẩm có xương gốm dày hơn. Đặt giả thuyết này vào diễn trình phát triển đồ sành trong lịch sử, chúng tôi thấy khá hợp lí. Đồ sành thời Lý phần lớn là những sản phẩm có xương gốm dày, đánh lẫn nhiều cát [2, tr.73].

2.3. Hình dáng

Thời Đinh - Tiền Lê có biến chuyển hoàn toàn về dáng so với vò thời Đại La nhưng có những nét tương đồng về hình dáng với vò thời Hán và thời Tùy. Cấu trúc cơ bản là miệng rộng, cổ thắt nông/sâu, vai phình, thân nở rộng, đường kính của thân lớn hơn nhiều so với đường kính miệng, đáy bằng, mặt cắt của miệng có sự biến chuyển rõ ràng nhất, thể hiện sự tiếp biến qua từng thời kì. Nếu ở thời kì đầu (giai đoạn Đinh - Tiền Lê sớm), đặc trưng miệng vẫn ảnh hưởng sâu sắc từ kĩ thuật tạo miệng thời Đại La, miệng loe, mép vát ngoài, diện tiếp xúc rất nhỏ (giao điểm của đường chéo vát ngoài và đường xiên ngang do cấu trúc miệng loe); sang đến trung kì thời Đinh - Tiền Lê khi kĩ thuật thời đại từng bước được hình thành trên cơ sở kế thừa kĩ thuật của thời đại trước và dần xây dựng được đặc trưng kĩ thuật của thời đại mình thì cấu trúc miệng lúc này là mép miệng bằng hoặc mép vê tròn gần bằng (vò I - 3, II); đến cuối thời Đinh - Tiền Lê (giai đoạn chuyển tiếp sang thời Lý) đặc trưng miệng: mép vê tròn hoặc vát lệch nhẹ hoặc mặt cắt hình nấm tạo tiền đề để chuyển sang mặt cắt hình tam giác thời Lý (mặt cắt miệng vò loại IV, VI);

Xét theo tiêu chí diễn biến loại hình thì có thể chia vò sành thời Đinh - Tiền Lê thành 3 nhóm: nhóm sản xuất vào giai đoạn đầu thời Đinh - Tiền Lê, nhóm sản xuất vào giai đoạn giữa và cuối thời Đinh - Tiền Lê, nhóm thuộc giai đoạn chuyển giao giữa thời Đinh - Tiền Lê sang thời Lý.

2.3.1. Nhóm vò đầu thế kỉ X

Nhóm vò này chịu ảnh hưởng rất lớn từ cấu trúc miệng tới hình dáng của vò thời Đại La. Vò thời Đại La thân thon giống hình trụ, cổ cao, loe nhẹ, miệng loe, mép cắt vát ngoài, xương gốm dày vừa, lẫn nhiều cát, xốp, cấu trúc trong xương thành từng lớp và có màu nâu nhạt (giống màu của đất sét). Vò hình trụ của đầu thế kỉ X cũng tương tự như vậy, điểm khác biệt lớn nhất là sự biến tấu của cấu trúc miệng và xương gốm. Sự tồn tại, phát triển của nhóm này tiếp tục làm dày truyền thống kĩ thuật, tạo nền tảng vững chắc để sang đến thời Lý, những người thợ gốm tài ba đã biến chuyển thành loại hình bình vai nở nhẹ, thân thon rất cao (chiều cao trên 30cm). Nhóm này tại Hoàng thành Thăng Long tìm thấy 3.315 hiện vật, trong đó có 6 hiện vật đủ dáng, 3.309 mảnh miệng, chiếm 8% tổng hiện vật vò, thế kỉ X, tại Hoàng thành Thăng Long [2, tr.30], [3, tr.33]

2.3.2. Nhóm vò giữa và cuối thế kỉ X

Căn cứ vào diễn biến địa tầng, những di tích đặc biệt quy định niên đại gần như tuyệt đối của khu di tích Hoàng thành Thăng Long, chúng tôi thấy rằng, những hiện vật vò hình trụ, bản miệng mỏng, khum, mặt cắt hình nấm, vai cong nhẹ, thân thấp, tương đối thẳng rất phổ biến vào thời Đinh - Tiền Lê. Do chiều cao thấp, xương gốm có độ gắn kết cao, khá bền, chắc nên chúng dần dần được ưa chuộng sử dụng. Những đặc điểm về hình dáng của nhóm vò này chứng minh tính thực dụng - tính xã hội của đồ sành. Chính giá trị sử dụng tối ưu này là động lực để đến thời Lý, các chủ lò và người thợ gốm tiếp tục làm ra những sản phẩm vò dáng thấp nhưng vai nở nhẹ, thân cong tròn mà gần như di tích khảo cổ học nào ở miền Bắc Việt Nam cũng phát hiện thấy loại hình hiện vật này. Nhóm này tìm thấy tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long có số lượng lớn nhất, gồm 25.753 hiện vật, trong đó có 48 hiện vật đủ dáng và 25.705 mảnh miệng, chiếm 62,2% tổng hiện vật vò, thế kỉ X, tại Hoàng thành Thăng Long [2, tr. 23], [3, tr.26].

2.3.3. Nhóm vò giai đoạn chuyển tiếp từ thời Tiền Lê sang thời Lý

Nhóm này hình cầu, chiều cao lớn hơn nhóm 2.2, cấu trúc miệng khác biệt hơn so với hai

nhóm trên, thành miệng trong có xu hướng vát sâu hơn thành ngoài, mặt cắt miệng tịnh tiến từ tam giác đều sang tam giác lệch (đến thời Lý, thành miệng trong vát rất sâu, thành ngoài vát nông hơn, mặt cắt miệng hình tam giác lệch), cổ thấp, thẳng, rãnh cổ có xu hướng nông, rộng (sang đến thời Lý, rãnh cổ của loại hình vò nông, rộng hơn nhiều), vai nở, thân cao, cong đều, đáy gần bằng, rìa đáy dày. Cấu trúc hình dáng này sang đến thời Lý phát triển vô cùng mạnh mẽ. Nhóm này tìm thấy tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long có 12.332 hiện vật, gồm, 2 hiện vật đủ dáng, 12.330 mảnh miệng, chiếm 29,8% tổng hiện vật vò, thể ki X, tại Hoàng thành Thăng Long [2, tr.30], [3, tr.32].

(Tổng hiện vật vò, thể ki X tìm thấy tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long là 43.976 nhưng chúng tôi chỉ tiến hành phân loại chi tiết 41.400 hiện vật (gồm 56 hiện vật đủ dáng, 41.344 mảnh vò), 2.576 hiện vật còn lại là những mảnh vỡ nhỏ, chỉ thống kê không phân loại).

2.4. Hoa văn

Hoa văn thời kì này chủ yếu là dạng văn thừng và dạng văn khắc vạch. Hoa văn trang trí trên vò sành là dạng khắc vạch hình sóng. Motif văn sóng nước không đứng đơn độc mà được trình bày với nhiều biến thể, có thể đứt quãng, có thể theo hàng, theo lớp, theo dải. Những đường sóng nước thường phóng khoáng, tự do, nhiều khi tuý hứng, không theo khuôn mẫu, quy chuẩn cụ thể nào, không gò bó. Hoa văn thường được tạo ở phần cổ xuống đến vai.

Đồ gốm nói chung, đồ sành nói riêng, nghiên cứu trường hợp vò sành, thể ki X tìm thấy tại Hoàng thành Thăng Long, chúng tôi thấy rằng, loại hình hiện vật có mối tương quan chặt chẽ với kiểu loại hoa văn. Thông thường, mỗi loại hình sẽ trang trí có một số kiểu hoa văn nhất định. Giữa các loại hình, hoa văn và chất liệu lại cũng có sự tương quan với nhau. Những đồ gốm đẹp, chất liệu tốt thường được trang trí hoa văn cầu kì và ngược lại, những loại hình đơn giản, chất liệu thô thì hoa văn trang trí không phức tạp, cầu kì, rối rắm.

Có khi cùng một loại họa tiết hoa văn nhưng bố cục, kĩ thuật thể hiện khác nhau. Có tiêu bản thì hoa văn tỉ mỉ, sắc nét, thanh thoát, hài hoà, cũng có những tiêu bản thì hoa văn chỉ là những đường khắc đơn giản, thô cứng. Điều này chứng tỏ, mỗi lò có nhiều lớp thợ, mỗi lớp thợ lại có sự phân hoá, chênh lệch về trình độ. So sánh với những vò sành được trang trí hoa văn đang được bảo quản ở Bảo tàng Bắc Ninh, với sưu tập vò sành ở Hoàng thành Thăng Long và cổ đô Hoa Lư, Ninh Bình sẽ thấy: những vò được chuyển đến thành Đại La và Kinh đô Hoa Lư trong thế kỉ X, hoa văn trên vò sành thời Đinh - Tiền Lê tìm thấy ở cổ đô Hoa Lư và Hoàng thành Thăng Long, đường khắc hoa văn rất sắc nét, rõ ràng, bố cục cân đối hơn, được làm tỉ mỉ hơn. Điều này chứng tỏ, yêu cầu của 2 thị trường tiêu thụ này thời bấy giờ rất cao, đặc biệt là ở Kinh đô Hoa Lư [2, tr.74], [3, tr.80].

Về quai gắn trên vai vò

Người thợ gốm lấy đất sét về thành từng sợi rồi miết lên phần thân trên của phôi gốm khi còn ướt. Quai gắn của thời kì này mang tính trang trí nhiều hơn là sử dụng, có hai biến thể chính: biến thể thứ nhất giống hình cang cua, biến thể thứ hai giống hình tua cau. Các dải đắp nổi này thường được dán lên phôi gốm trước khi nung nên, vết ấn lõm ở phần thân chỗ gắn quai thường sâu hơn những chỗ khác. Việc gắn quai sẽ được thực hiện sau khi người thợ hoàn tất khâu trang trí. Chính vì vậy, vết ấn, miết lõm ở phần này lại càng sâu hơn và thường đề lên hoặc miết lên phần hoa văn đã trang trí. Số lượng quai gắn tùy thuộc vào kích thước của hiện vật. Những vò nhỏ hình trụ, hình cầu thấp thường gắn 4 quai. Những vò hình cầu kích thước lớn hơn thường gắn 6 quai. Quai gắn thời kì này có sự chuyển biến rõ rệt so với quai gắn của các thời kì trước đó. Chúng chuyển sang chức năng trang trí nhiều hơn là chức năng sử dụng. Tuy số quai vẫn là số chẵn nhưng phần hông ở giữa quai gần như đã tiêu biến. Do vậy, những quai gắn này không còn được sử dụng để xâu dây nữa. Quai gắn được tạo tác tỉ mỉ hơn, thanh thoát hơn. Làm cho những hiện vật vò được gắn quai trở nên cân đối, hài hòa hơn [2, tr.77].

2.5. Kỹ thuật tạo dáng và xếp nung

Đối với đồ gốm sứ, việc phân loại, nghiên cứu nhằm xác định nguồn gốc, niên đại chủ yếu dựa vào màu men, xương gốm, hoa văn trang trí, đặc biệt là kỹ thuật tạo chân đế thì đối với đồ sành, việc phân định nguồn gốc, niên đại chủ yếu dựa vào cấu trúc miệng và hình dáng, trong đó lấy cấu trúc miệng làm cơ sở chính [4]. Từ thực tiễn trải nghiệm nhiều năm qua, phương pháp này được coi là chìa khóa trong công tác nghiên cứu đồ sành Việt Nam và được kiểm chứng qua quá trình nghiên cứu, phân loại đồ sành tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long. Trên bình diện này, chúng tôi quan tâm tới hai công đoạn chính, đó là khâu tạo dáng và khâu xếp nung.

Nghiên cứu bề mặt sản phẩm cho thấy, thời kì này, người thợ vẫn sử dụng phương pháp truyền thống để tạo hình phôi gốm, đó là việc sử dụng bàn kê kết hợp với hòn đập, cuối thời Đinh - Tiền Lê mới phổ biến kỹ thuật sử dụng bàn xoay. Sản phẩm sau khi được tạo hình để cho se dần, đến khi se khô mới tiến hành chuốt dáng. Nếu sản phẩm có vết rạn, nứt thì được vá lại bằng cát.

Bước cuối cùng trong khâu hoàn thành sản phẩm là ve, nạo sau khi đã thành bạc hàng (chuyển màu trắng), sau đó là phơi khô trước khi đưa vào lò nung.

Nhiệt độ nung của đồ sành trung bình khoảng 850 đến hơn 900°C. Đồ sành xếp nung trực tiếp, có thể là xếp nung úp miệng, úp đáy hoặc xếp nung miệng lồng trong lồng. Đối với vò thời kì này, quan sát màu sắc bên ngoài của hiện vật, vết xếp nung ở đáy và trên vành miệng, chúng tôi thấy rằng: cách thức xếp nung chủ yếu ở thời kì này là miệng úp miệng, đáy úp đáy, kiểu thức xếp nung: miệng và vai của bình hay vò xếp nung lồng trong lồng sản phẩm khác (sau khi ra lò, sản phẩm sẽ màu nhạt hơn phần thân còn lại và không bị hóa biến) không phổ biến [2, tr.82].

3. Kết luận

Vò sành thời Đinh - Tiền Lê ở khu di tích Hoàng thành Thăng Long có những đặc trưng kỹ thuật giống với vò sành thời Đinh - Tiền Lê phát hiện được ở cổ đô Hoa Lư. Vò sành thời Đinh - Tiền Lê của hai khu vực này có nguồn gốc từ khu lò gốm Đường Xá (phường Vạn An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh).

Trong không khí của buổi đầu xây dựng nền độc lập tự chủ thời Đinh - Tiền Lê, nghề gốm sành ở Đường Xá phát triển vô cùng mạnh mẽ, đủ sức cung cấp cho nhu cầu ngày càng lớn của hai thị trường tiêu thụ lớn thời bấy giờ là kinh đô Hoa Lư và thành Đại La. Hoạt động sản xuất gốm sành ở đây góp phần cung cấp những chứng cứ khảo cổ học đáng tin cậy về kinh tế thủ công nghiệp Đại Cồ Việt, thế kỉ X mà sử sách không có bất cứ ghi chép nào.

Nghiên cứu đặc trưng về kỹ thuật của sưu tập vò sành, thời Đinh - Tiền Lê ở khu di tích Hoàng thành Thăng Long, chúng tôi tập trung làm rõ trên các phương diện: chất liệu, hình dáng, hoa văn trang trí và kỹ thuật xếp nung, so sánh vò sành thời Đinh - Tiền Lê ở Hoàng thành Thăng Long, cổ đô Hoa Lư và khu lò gốm Đường Xá để xác lập mối quan hệ giữa trung tâm sản xuất và thị trường tiêu thụ, góp một phần tư liệu cho bức tranh kinh tế - xã hội Đại Cồ Việt, thế kỉ X.

Những so sánh ban đầu về vò sành thời Đinh - Tiền Lê ở khu di tích Hoàng thành Thăng Long và cổ đô Hoa Lư cũng góp thêm những tư liệu mới cho việc nghiên cứu đời sống sinh hoạt của kinh đô Hoa Lư và thành Đại La, thế kỉ X - thế kỉ nền tảng, bản lề của Đại Việt sau gần 1000 năm bị phong kiến Trung Hoa đô hộ, âm mưu đồng hóa, buổi trước của nền văn minh Đại Việt rực rỡ vào thế kỉ XI - XIII.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Viện khảo cổ học, *Báo cáo khai quật khu lò gốm Đường Xá, thế kỉ X*, TL96.
- [2] Viện Nghiên cứu Kinh thành, 2021. *Báo cáo chỉnh lí chi tiết đồ sành, thời Tiền Thăng Long, Khu di tích Hoàng thành Thăng Long*.

- [3] Viện Nghiên cứu Kinh thành, 2021. *Báo cáo chính lý chi tiết đồ sành, thời Tiền Thăng Long, Khu E – Khu vực xây dựng Nhà Quốc hội*.
- [4] Bùi Minh Trí, Đỗ Đức Tuệ, 2010. Nhận thức mới về đồ sành tại di tích Hoàng thành Thăng Long. *Tạp chí Khảo cổ học*, số 4, tr.80-86.
- [5] Đặng Thị Khuong, Cao Thị Huyền, 2021. Đồ đun nấu, thời Đinh – Tiền Lê ở Khu di tích Hoàng thành Thăng Long. *Tạp chí Kinh thành cổ Việt Nam*, tr.162-177.
- [6] Nisimura Masanari and Bui Minh Tri, 2004: Excavation of the Duong Xa site in Bac Ninh Province, Vietnam. *Journal of Southeast Asian Archaeology*, No. 24, Japan, pp.91-131.
- [7] Tống Trung Tín, Bùi Minh Trí, 2010: *Thăng Long - Hà Nội, Lịch sử nghìn năm từ lòng đất*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.18.
- [8] Phạm Quốc Quân, 2011. Sức sống Đông Sơn. *Tạp chí Khảo cổ học*, số 1, tr.27-30.

ABSTRACT

Vietnamese Stoneware Jars during the 10th century in Thang Long Imperial Citadel site

Dang Thi Khuong

*Department of Historical and Cultural Study, Institute of Imperial Citadel Studies,
Vietnam Academy of Social Sciences*

Stoneware from the Dinh and Pre-Le period was discovered in the Pre-Thang Long cultural layer at the Thang Long Imperial Citadel site. This period's stoneware contains the most objects in the Pre-Thang Long period's stoneware artifact collection. There are three functional categories of stoneware from the Dinh-Pre Le dynasty at this location: containers, living utensils, and cooking utensils, with containers accounting for the majority within each category. The pot in this instance is a member of the utilitarian group of containers, which is quite varied in kind, rich in mouth construction, and decorated with a variety of designs. The technical qualities of this period's earthenware pot were similarly prevalent technical traits throughout the whole era. They have a close link between the site of production and the consumer market. Archaeological studies have shown that the Duong Xa pottery kiln (Van An ward, Bac Ninh city, Bac Ninh province) is the location of the production of earthenware pots used in the Hoa Lu and Dai La citadels in the 10th century.

Keywords: Stoneware, pots, Thang Long imperial citadel, Duong Xa pottery kiln, Dinh and Pre Le Period.